

Số: /TB-ĐHĐN

Đà Nẵng, ngày tháng 02 năm 2021

## **THÔNG BÁO**

### **Xét tuyển trình độ thạc sĩ cho người nước ngoài đợt 1 năm 2021 - Khóa 43**

Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN) thông báo xét tuyển trình độ thạc sĩ cho người nước ngoài đợt 1 năm 2021 (khóa 43) tại các đơn vị thành viên thuộc ĐHĐN: Trường Đại học Bách khoa, Trường Đại học Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm và Trường Đại học Ngoại ngữ (sau đây gọi là cơ sở đào tạo) như sau:

#### **1. Ngành và phương thức tuyển sinh**

Danh mục các ngành tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến của các cơ sở đào tạo xem tại Phụ lục I.

Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

#### **2. Chương trình, thời gian đào tạo và học phí**

- Chương trình đào tạo gồm 02 định hướng: Định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng (sau khi trúng tuyển học viên đăng ký tại các cơ sở đào tạo).

- Thời gian đào tạo: Từ 1,5 năm đến 02 năm học tùy theo chương trình đào tạo của từng ngành và từng cơ sở đào tạo.

- Học phí:

Lưu học sinh diện hiệp định: Tiêu chuẩn, chế độ, kinh phí đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Lưu học sinh diện ngoài hiệp định: Theo thông báo mức thu học phí năm học 2021-2022 của các Trường đại học thành viên.

#### **3. Điều kiện dự tuyển**

##### **3.1. Về văn bằng**

Người tham gia xét tuyển thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a. Có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định hiện hành;

b. Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ và đã học bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo;

c. Người có bằng tốt nghiệp đại học một số ngành khác có thể đăng ký dự thi vào ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý sau khi đã học bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo.

##### **3.2. Điều kiện về ngôn ngữ**

Điều kiện về ngôn ngữ được quy định tại Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

a. Lưu học sinh đã tốt nghiệp các cấp học ở giáo dục phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ bằng tiếng Việt hoặc đã đạt trình độ tiếng Việt tương đương B2 (bậc 4/6) trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt quy định tại Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài được miễn yêu cầu về điều kiện tiếng Việt.

b. Lưu học sinh chưa đủ trình độ tiếng Việt để vào học chương trình chính thức bằng tiếng Việt thì phải học dự bị tiếng Việt.

### **3.3. Về kết quả học bổ sung kiến thức**

Đối với các thí sinh thuộc diện phải học các học phần bổ sung, thí sinh phải đăng ký học tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên của Đại học Đà Nẵng và có bảng điểm môn học trước khi học chính thức.

### **3.4. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn**

a. Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành cao học; người có bằng gần với ngành đăng ký đã học bổ sung kiến thức theo quy định được đăng ký xét tuyển không yêu cầu kinh nghiệm công tác chuyên môn;

b. Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác đăng ký xét tuyển vào ngành, chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý phải có tối thiểu 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký xét tuyển tính từ khi nhận bằng tốt nghiệp đại học đến ngày đăng ký xét tuyển, có giấy xác nhận của cơ quan công tác.

c. Đối với ngành “Quản lý Giáo dục”

- Định hướng nghiên cứu: Người tốt nghiệp ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần tốt nghiệp loại khá trở lên được xét tuyển ngay, không yêu cầu về thâm niên công tác;

- Định hướng ứng dụng: Người tốt nghiệp ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần được xét tuyển ngay, không yêu cầu về thâm niên công tác;

- Các trường hợp còn lại: Có ít nhất 02 (hai) năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực giáo dục (kể cả người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên), tại một trong các vị trí công tác sau: Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, cán bộ dự nguồn ở các trường mầm non trở lên; Trưởng khoa, phó Trưởng khoa, tổ trưởng, tổ phó các trường đại học, cao đẳng, trung cấp; Chuyên viên các phòng/ban của các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp; Lãnh đạo và chuyên viên làm công tác quản lý giáo dục của tổ chức chính trị, CT-XH, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT.

## **4. Hồ sơ đăng ký xét tuyển và lệ phí**

### **4.1. Hồ sơ đăng ký xét tuyển**

a. Phiếu đăng ký dành cho người nước ngoài học tại Việt Nam (Mẫu theo quy định của ĐHDN) (Mẫu CH-1);

b. Bản sao và bản dịch Tiếng Việt bằng tốt nghiệp đại học, bảng điểm đại học;

c. Chứng chỉ về điều kiện về ngôn ngữ theo Thông tư 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d. Sơ yếu lý lịch tự khai có xác nhận (trong vòng 03 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ) (Mẫu CH-2);

đ. Bản sao và bản dịch có xác nhận hoặc chứng thực giấy khai sinh;

e. Giấy khám sức khỏe (trong vòng 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ);

f. Bản sao hộ chiếu có thời hạn sử dụng cho toàn bộ thời gian học tập tại Việt Nam hoặc ít nhất 01 năm kể từ ngày dự kiến đến Việt Nam;

g. Minh chứng nộp lệ phí xét tuyển.

h. 04 ảnh (4x6) trong vòng 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

### **4.2. Đăng ký dự thi**

Thời gian đăng ký xét tuyển: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày **16/4/2021**.

### **4.3. Địa điểm nộp hồ sơ**

Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp đến địa điểm: Ban Hợp tác Quốc tế, tầng 10, khu B, Đại học Đà Nẵng, Số 41, Lê Duẩn, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng;

ĐT: 02363. 891517.

### **4.4. Phí xét tuyển**

Phí xét tuyển: **100.000 đồng/thí sinh/hồ sơ**.

Thí sinh nộp trực tiếp tại: Ban Kế hoạch Tài chính, Đại học Đà Nẵng, Phòng 107, Khu A, Đại học Đà Nẵng, số 41 Lê Duẩn, thành phố Đà Nẵng.

### **5. Thời gian xét tuyển và nhập học**

Xét tuyển: Dự kiến tổ chức vào tháng **05/2021**.

Nhập học: Dự kiến tháng **06/2021**.

### **6. Địa chỉ liên hệ**

Ban Hợp tác Quốc tế, Đại học Đà Nẵng; Số 41, Lê Duẩn, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; ĐT: 02363. 891517;

Danh mục các ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi; các môn học bổ sung kiến thức cho ngành đúng hoặc phù hợp; ngành gần, và ngành khác cho các ngành Quản lý và Quản trị xem trên website: [ts.udn.vn/](http://ts.udn.vn/).

#### **Nơi nhận:**

- Vụ GDĐH, Bộ GD&ĐT (đề b/c);
- Giám đốc (đề b/c);
- Ban KHTC, HTQT;
- Các Trường thành viên;
- Các cơ sở đào tạo SDH, Viện nghiên cứu;
- Các Sở GD&ĐT;
- Các đơn vị liên quan (theo DS đính kèm);
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

(*đã ký*)

**PGS.TS. Lê Thành Bắc**

**PHỤ LỤC I**

(Kèm theo Thông báo số /TB-DHĐN ngày /02/2021 của Đại học Đà Nẵng)

**DANH MỤC CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

<b>STT</b>	<b>Mã số</b>	<b>Cơ sở đào tạo/Ngành</b>	<b>Chỉ tiêu (dự kiến)</b>
<b>I</b>	<b>DDK</b>	<b>Trường Đại học Bách khoa</b>	Năm trong chỉ tiêu tuyển sinh chung mỗi ngành
1	8420201	Công nghệ sinh học	
2	8480101	Khoa học máy tính	
3	8520103	Kỹ thuật cơ khí	
4	8520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	
5	8520114	Kỹ thuật cơ điện tử	
6	8520115	Kỹ thuật nhiệt	
7	8520201	Kỹ thuật điện	
8	8520203	Kỹ thuật điện tử	
9	8520216	Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa	
10	8520301	Kỹ thuật hóa học	
11	8520320	Kỹ thuật môi trường	
12	8540101	Công nghệ thực phẩm	
13	8580101	Kiến trúc	
14	8580201	Kỹ thuật xây dựng	
15	8580202	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
16	8580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
17	8580302	Quản lý xây dựng	
<b>II</b>	<b>DDQ</b>	<b>Trường Đại học Kinh tế</b>	Năm trong chỉ tiêu tuyển sinh chung mỗi ngành
18	8229001	Triết học	
19	8310107	Thống kê kinh tế	
20	8340101	Quản trị kinh doanh	
21	8340201	Tài chính – Ngân hàng	
22	8340410	Quản lý kinh tế	
23	8340301	Kế toán	
24	8310105	Kinh tế phát triển	
<b>III</b>	<b>DDS</b>	<b>Trường Đại học Sư phạm</b>	Năm trong chỉ tiêu tuyển sinh chung mỗi ngành
25	8440114	Hóa hữu cơ	
26	8440119	Hóa lí thuyết và hóa lí	
27	8420114	Sinh học thực nghiệm	
28	8140111	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Vật lý	
29	8140114	Quản lý giáo dục	
30	8140101	Giáo dục học	
31	8460104	Đại số và lí thuyết số	
32	8460102	Toán giải tích	
33	8460113	Phương pháp toán sơ cấp	
34	8480104	Hệ thống thông tin	
35	8220121	Văn học Việt Nam	
36	8229020	Ngôn ngữ học	
37	8310630	Việt Nam học	
38	8229013	Lịch sử Việt Nam	
39	8310401	Tâm lý học	
40	8850101	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	

<b>STT</b>	<b>Mã số</b>	<b>Cơ sở đào tạo/Ngành</b>	<b>Chỉ tiêu (dự kiến)</b>
<b>IV</b>	<b>DDF</b>	<b>Trường Đại học Ngoại ngữ</b>	
40	8220201	Ngôn ngữ Anh	Năm trong chỉ tiêu tuyển sinh chung mỗi ngành
41	8220203	Ngôn ngữ Pháp	
42	6022024	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu	
43	8140111	Lý luận và PP dạy học bộ môn tiếng Anh	